

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: /SGDDĐT-GDTrH&HSSV

V/v thông báo cấu trúc các môn thi
Kì thi Tuyển sinh lớp 10 THPT
năm học 2026 - 2027

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;
- Trường trực thuộc có cấp trung học cơ sở.

Thực hiện Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông; Công văn số 1765/SGDDĐT-GDTrH&HSSV ngày 20/10/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thông báo môn thi thứ ba Kì thi Tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông năm học 2026 - 2027. Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo cấu trúc đề thi các môn thi của Kì thi Tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông năm học 2026 - 2027 theo phụ lục đính kèm.

Nhận được Công văn này, Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu, trường trực thuộc có cấp trung học cơ sở triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, GDTrH&HSSV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Tấn Ngọc Thụy

Phụ lục I**CẤU TRÚC ĐỀ THI CÁC MÔN TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**

(Kèm theo Công văn số SGDDĐT-GDTrH&HSSV ngày /10/2025 của Sở GDĐT)

MÔN NGỮ VĂN**I. HÌNH THỨC, THỜI GIAN LÀM BÀI**

- 1. Hình thức:** Tự luận.
- 2. Thời gian làm bài:** 120 phút.

II. CẤU TRÚC ĐỀ THI

- 1. Đề thi gồm có 2 phần:** Đọc hiểu và viết.

2. Cách tính điểm

- a) Đọc hiểu: 4,0 điểm.
- b) Viết: 6,0 điểm.
 - Viết đoạn văn nghị luận văn học: 2,0 điểm.
 - Viết bài văn nghị luận xã hội: 4,0 điểm.
- c) Tổng điểm tối đa toàn bài: 10,0 điểm.

III. PHẠM VI RA ĐỀ

Nội dung đề thi thuộc Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn cấp THCS ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Phần đọc hiểu

- a) Ngữ liệu văn bản văn học
 - Truyện ngắn, truyện thơ Nôm.
 - Thơ lục bát, thơ bốn chữ, thơ năm chữ, thơ thất ngôn bát cú Đường luật, thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật, thơ song thất lục bát, thơ sáu chữ, thơ bảy chữ, thơ tám chữ, thơ tự do.
- b) Kiến thức tiếng Việt
 - Sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ.
 - Từ tượng hình và từ tượng thanh: đặc điểm và tác dụng.
 - Câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm; câu khẳng định và câu phủ định; câu rút gọn và câu đặc biệt: đặc điểm và chức năng.
 - Các biện pháp tu từ: đặc điểm và tác dụng.
 - Sự phát triển của ngôn ngữ: từ ngữ mới và nghĩa mới.

2. Phân viết

- Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích các yếu tố thuộc phương diện nội dung chủ đề, hình thức nghệ thuật của một đoạn trích/tác phẩm văn học. Ngữ liệu phân tích là đoạn trích/tác phẩm văn học ở phần đọc hiểu.

- Viết bài văn (khoảng 600 chữ) nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục: Đề thi có thể có ngữ liệu thuộc văn bản nghị luận hoặc văn bản thông tin để định hướng vấn đề, cung cấp thông tin... hoặc nêu trực tiếp vấn đề mà không có ngữ liệu.

3. Tiêu chí lựa chọn ngữ liệu

a) Ngữ liệu đảm bảo các tiêu chí tại mục V.1.3.a) Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Không sử dụng ngữ liệu có trong các bộ sách giáo khoa môn Ngữ văn đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt tại:

- Quyết định số 718/QĐ-BGDĐT ngày 09/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 6 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông.

- Quyết định số 441/QĐ-BGDĐT ngày 28/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 7 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông.

- Quyết định số 4606/QĐ-BGDĐT ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 8 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông.

- Quyết định số 4338/QĐ-BGDĐT ngày 18/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 9 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông.

IV. BẢNG NĂNG LỰC VÀ MỨC ĐỘ TƯ DUY

TT	Năng lực	Mạch nội dung	Mức độ tư duy							
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng	
			Câu	TL%	Câu	TL%	Câu	TL%	Câu	TL%
I	Đọc hiểu	Văn bản văn học	2	10%	2	20%	1	10%	5	40%
II	Viết	Đoạn văn nghị luận văn học	5%		5%		10%		1	20%
		Bài văn nghị luận xã hội	10%		10%		20%		1	40%
Tổng			25%		35%		40%		7	100%

MÔN TOÁN

I. HÌNH THỨC, THỜI GIAN LÀM BÀI

1. Hình thức: Tự luận.

2. Thời gian làm bài: 120 phút.

II. CẤU TRÚC ĐỀ THI

Câu 1. (1,5 điểm)

a) Tính toán, tìm điều kiện xác định, trục căn ở mẫu của biểu thức chứa căn bậc hai.

b) Thu thập và tổ chức dữ liệu; phân tích và xử lý dữ liệu.

c) Rút gọn các biểu thức chứa ẩn trong căn bậc hai.

Câu 2. (2,0 điểm)

a) Sử dụng kiến thức thuộc các chủ đề: hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) và đồ thị.

b) Giải phương trình bậc hai và bài toán liên quan định lí Viète.

Câu 3. (1,0 điểm)

Toán thực tế liên quan đến kiến thức thuộc chủ đề xác suất của biến cố ngẫu nhiên.

Câu 4. (1,5 điểm) Toán thực tế về hình học:

a) Hệ thức lượng trong tam giác vuông.

b) Gồm 02 ý hỏi (hoặc tách thành 02 ý b), c)). Sử dụng kiến thức thuộc các chủ đề: độ dài cung tròn, chu vi đường tròn, diện tích hình tròn, hình quạt tròn, hình vành khuyên; các hình khối trong thực tiễn.

Câu 5. (2,0 điểm)

a) Toán thực tế liên quan kiến thức thuộc các chủ đề: phương trình và bất phương trình bậc nhất một ẩn, bất đẳng thức, bất phương trình.

b) Toán thực tế liên quan kiến thức thuộc các chủ đề: phương trình và hệ phương trình bậc nhất hai ẩn.

Câu 6. (2,0 điểm)

Gồm 03 ý hỏi. Sử dụng kiến thức thuộc các chủ đề: đường tròn; vị trí tương đối của hai đường tròn; vị trí tương đối của đường thẳng với đường tròn; tiếp tuyến của đường tròn; góc ở tâm, góc nội tiếp; đường tròn nội tiếp, ngoại tiếp tam giác.

Tổng điểm tối đa toàn bài: 10,0 điểm.

III. PHẠM VI RA ĐỀ

Chương trình môn Toán THCS hiện hành, chủ yếu lớp 9 (CT GDPT 2018).

IV. BẢNG NĂNG LỰC VÀ MỨC ĐỘ TƯ DUY

NĂNG LỰC	MẠCH NỘI DUNG									Tổng
	Đại số			Hình học và đo lường			Thống kê và xác suất			
	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
Tư duy và lập luận toán học	15%	5%	10%		5%		5%			40%
Giải quyết vấn đề toán học				10%	10%				10%	30%
Mô hình hóa toán học		20%				10%				30%
Tổng	15%	25%	10%	10%	15%	10%	5%		10%	100%

MÔN TIẾNG ANH

I. HÌNH THỨC, THỜI GIAN LÀM BÀI

1. **Hình thức:** Trắc nghiệm kết hợp tự luận.
2. **Thời gian làm bài:** 60 phút.

II. CẤU TRÚC ĐỀ THI

1. Đề thi gồm 4 phần:

A. Phần 1. Use of English (Kiến thức về từ vựng và ngữ pháp): Bao gồm 3 phần:

1. Multiple choice questions – Dạng thức trắc nghiệm 04 lựa chọn: 10 câu
2. Word form – Hình thức từ: 04 câu
3. Verb tense and Verb form – Thì và hình thức động từ: 04 câu

B. Phần 2: Reading (Đọc hiểu): Bao gồm 3 phần:

Reading 1 (Multiple choice gap-fill): Đọc một đoạn văn có độ dài từ 120-150 từ và chọn từ đúng cho sẵn để điền vào mỗi chỗ trống - Dạng thức trắc nghiệm 04 lựa chọn: 04 câu

Reading 2 (Multiple choice Comprehension): Đọc một đoạn văn và chọn câu trả lời đúng cho mỗi câu hỏi - Dạng thức trắc nghiệm 04 lựa chọn: 04 câu

Reading 3: Dạng bài nhận diện biển báo/thông báo: Học sinh nhận diện và tìm ý nghĩa đúng cho biển báo/thông báo - Dạng thức trắc nghiệm 04 lựa chọn: 04 câu

C. Phần 3: Communication skills (Giao tiếp): Bao gồm 2 dạng:

Dạng 1: Hiểu và đáp lại các tình huống đơn giản của ngôn ngữ thực tế - Dạng thức trắc nghiệm 04 lựa chọn: 01 câu

Dạng 2: Sắp xếp các câu cho sẵn theo đúng trật tự để tạo thành đoạn hội thoại đúng - Dạng thức trắc nghiệm 04 lựa chọn: 01 câu

D. Phần 4: Writing: Sentence Transformation/ Sentence Combination/ Sentence Building:

Học sinh viết lại câu theo yêu cầu sao cho nghĩa không đổi so với câu gốc, hoặc nối 2 câu lại thành 1 câu theo yêu cầu, hoặc viết câu hoàn chỉnh từ các gợi ý đã cho: Dạng thức tự luận: 04 câu

2. Cách tính điểm:

Phần 1: Use of English: 4,5 điểm (18 câu)

Mỗi câu trắc nghiệm đúng: 0,25 điểm

Mỗi câu chia hình thức của từ, thì và hình thức động từ đúng: 0,25 điểm

Phần 2: Reading: 3,0 điểm (12 câu)

Mỗi câu trắc nghiệm đúng: 0,25 điểm

Phần 3: Communication skills: 0,5 điểm (2 câu)

Mỗi câu trắc nghiệm đúng: 0,25 điểm

Phần 4: Writing: 2,0 điểm (4 câu)

Mỗi câu viết lại đúng: 0,5 điểm

Tổng điểm toàn bài: 10,0 điểm

III. PHẠM VI RA ĐỀ

Nội dung liên quan đến chương trình Tiếng Anh THCS, chủ yếu ở lớp 9 (Chương trình GDPT 2018).

IV. BẢNG NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

NĂNG LỰC	CẤP ĐỘ TƯ DUY						Tổng số câu	Tỉ lệ
	Trắc nghiệm			Tự luận				
	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		
Kiến thức ngôn ngữ	10	6	2				18	45%
Đọc	5	3	4				12	30%
Giao tiếp	1	1					2	5%
Viết					2	2	4	20%
Tỉ lệ %	40%	25%	15%		10%	10%	36	100%
Tổng	80%			20%				

MÔN TIẾNG PHÁP

I. HÌNH THỨC, THỜI GIAN LÀM BÀI

1. Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận.

2. Thời gian làm bài: 60 phút.

II. CẤU TRÚC ĐỀ THI

1. Đề thi gồm 03 phần.

a) Phần A: Kiến thức ngôn ngữ, gồm có:

- 12 câu hỏi ở dạng thức trắc nghiệm nhiều lựa chọn cho 04 phương án chọn 01 đáp án đúng.

- 06 câu hỏi tự luận.

b) Phần B: Đọc hiểu

- Đọc hiểu (01 bài khóa), gồm có:

+ 02 câu hỏi ở dạng thức trắc nghiệm nhiều lựa chọn cho 04 phương án chọn 01 đáp án đúng;

+ 02 câu hỏi tự luận ở dạng Đúng/Sai/Chứng minh;

+ 02 câu hỏi tự luận (Questions ouvertes).

- Đọc đoạn văn và điền từ, gồm có: 10 từ

c) Phần C: Diễn đạt viết: 03 câu sắp xếp trật tự câu.

2. Cách tính điểm

a) Phần A: mỗi câu trả lời đúng 0,25 điểm (0,25 điểm x 18 câu = 4,5 điểm).

b) Phần B: mỗi câu trả lời đúng 0,25 điểm (0,25 điểm x 16 câu = 4,0 điểm).

c) Phần C: mỗi câu sắp xếp đúng 0,5 điểm (0,5 điểm x 3 câu = 1,5 điểm).

d) Tổng điểm tối đa toàn bài: 10,0 điểm.

III. PHẠM VI RA ĐỀ

Nội dung liên quan đến cấp học có trong Chương trình GDPT 2018